TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08 /2025/HNGĐ-ST Ngày: 19/5/2025 *V/v Ly hôn, tranh chấp con khi ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Đại
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Bá Đường
2. Bà Đinh Thị Út

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Lê M Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện V kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thúy Hiên – Kiểm sát viên V kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai;

Ngày 19/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị V – Sinh năm 1989
Trú tại: Bản K, xã XH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T – Sinh năm 1985
Trú tại: Bản K, xã XH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Đặng Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị V và anh Đặng Văn T chung sống như vợ chồng năm 2004 không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục 02 người về chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị khó khăn về kinh tế dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau đến tháng 02 năm 2025 thì anh chị ly thân. Nay chị V khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 03 con chung: Cháu Đặng Quang M – Sinh ngày 10/8/2006; Cháu Đặng Thị T – Sinh ngày 23/02/2009, cháu Đặng Kim O – Sinh ngày 16/01/2020.

Sau khi ly hôn chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Kim O, đề nghị Tòa án giao các cháu Đặng Quang M và Đặng Thị T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với anh Đặng Văn T có nội dung anh T đồng ý với chị V về thời điểm chung sống, về con chung và không yêu cầu chia tài sản. Về mâu thuẫn do anh và chị không đồng nhất về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Nay chị V khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T nhất trí ly hôn.

Ý kiến phát biểu của đại diện V kiểm sát: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho V kiểm sát đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định tại các Điều 49, 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng định tại điều 70,71, bị đơn anh chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 BLTTDS. Đề nghị HĐXX áp dụng áp dụng các Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, 228 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: xử không công nhận vợ chồng giữa chị Đặng Thị V và anh Đặng Văn T;

Về con chung: Giao cháu Đặng Thị T (Sn 23/02/2009) và cháu Đặng Kim O (Sn 16/01/2020) cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành. Anh Đặng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí chị V phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Đặng Văn T và giải quyết nuôi con chung; anh T cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX T hành xét xử theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị V và anh Đặng Văn T sống chung như vợ chồng, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn mà không đến UBND cấp xã tại nơi cư trú mà không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình quy định "Việc đăng ký kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này (Luật HNGĐ) và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên không công nhận quan hệ vợ chông". Vì vậy việc chung sống như vợ chồng giữa chị V và anh T không được pháp luật công nhận. Vì vậy cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị V và anh T là vợ chồng.

[4] Về con chung:

Theo Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình quy định về Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì con được giải quyết theo quy định của Luật này (Luật HNGĐ) về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con. Vì vậy cần áp dụng theo Luật hôn nhân gia đình để giải quyết về con chung của chị V và anh T.

Trong nội dung bản lấy ý kiến của các cháu Đặng Thị T và Đặng Thị O các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng chị V sau khi anh chị ly hôn. Quá trình hòa giải tại Tòa án chị V và anh T đều công nhận anh T và chị V cùng có mức thu nhập mỗi người 5.000.000 đông/01 tháng. Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy cần giao các cháu Đặng Thị T – Sinh ngày 23/02/2009, cháu Đặng Kim O – Sinh ngày 16/01/2020 cho chị Đặng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Đặng Quang M đã trên 18 tuổi không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 BLTTDS khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận chị Đặng Thị V và anh Đặng Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao các cháu Đặng Thị T – Sinh ngày 23/02/2009, cháu Đặng Kim O – Sinh ngày 16/01/2020 cho chị Đặng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

Chị Đặng Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 6 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Quang Đại